TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 48/2019/DSST
Ngày 22 tháng 10 năm 2019
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân; Ông Dương Minh Thiết

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng C - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Mạnh - kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 116/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐST-DS ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số N -LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền:

1.ông Lê Hiền Th - Trưởng phòng thu hồi nợ Pháp lý kiêm Quản lý Pháp chế cho Phòng An Ninh và Phòng kiểm tra gian lận, Phòng thu hồi nợ Pháp lý - Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số A-A-A Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V

Ông Lê Hiền Th có văn bản ủy quyền số 629/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/6/2019 cho các ông/bà:

-Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1982 - CMND số 135024694 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/5/2011

-Bà Lê Thị L, sinh năm: 1995 - CCCD số 026195001156 cấp ngày 04/1/2017 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

-Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 -CMND số 135410149 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 14/3/2011

Cùng địa chỉ: Số M, LVC, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo văn bản ủy quyền số 459 ngày 20/02/2019)

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt

***Bị đơn**: anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm: 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn 7, QT1, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

Nơi công tác: Trường THCS xã QT, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 6 năm 2019 và các lời khai tiếp theo, người đại diện của nguyên đơn trình bày: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20120628-148028-001 ngày 28/6/2012 giữa anh Nguyễn Mạnh C sinh ngày 12/3/1981 có số CMND số 121357270, do công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 16/12/2011 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V, thì anh C có vay của Ngân hàng số tiền vay gốc 15.750.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5,15%/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân, anh C có trách nhiệm trả gốc và lãi trong thời hạn 24 tháng, trả theo hình thức trả dần hàng tháng, 23 tháng sau khi vay mỗi tháng trả 1.159.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.337.000 đồng. Tổng cộng, gốc và lãi phải trả là 28.034.000 đồng. Kỳ thanh toán mỗi tháng là ngày 01, bắt đầu tính từ 01/8/2012. Theo thỏa thuận, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C đủ số tiền vay gốc.

Về việc thực hiện hợp đồng: ông C đã trả được cho Ngân hàng TMCP V8 kỳ (tương đương 08 tháng) với số tiền gốc đã trả là 7.727.522 đồng; số tiền lãi là 10.385.478 đồng, tổng cộng bằng 18.113.000 đồng. Từ ngày 13/4/2015 anh Nguyễn Mạnh C không thanh toán trả Ngân hàng, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, gia hạn, nhưng anh C vẫn không thanh toán.

Nay Ngân hàng TMCP Vyêu cầu anh C thanh toán trả nốt số tiền gốc và lãi còn nợ là 9.921.000 đồng, trong đó, gốc là 8.022.478 đồng và lãi là 1.898.522 đồng. Đối với khoản lãi phát sinh tính từ ngày hết hạn hợp đồng tín dụng, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thì không yêu cầu anh C trả thêm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 01/10/2019 trình bày: Anh xác nhận có ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Hợp đồng vay, giấy vay vốn mà nguyên đơn xuất trình có chữ ký, chữ viết người vay là của anh. Số tiền anh vay gốc là 15.750.000 đồng (mười lăm triệu bẩy trăm năm mươi nghìn), thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận là

5,15/tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân, thực tế là mua xe mô tô theo hình thức trả góp. Tổng số tiền vay gốc và lãi các bên thống nhất trả theo kỳ trong 24 tháng và sau đó anh đã thanh toán được tổng số gốc và lãi như Ngân hàng nêu. Do điều kiện khó khăn nên từ năm 2015 đến nay không trả được tiền vay cho Ngân hàng, anh có xin Ngân hàng cho trả dần. Nay anh xác nhận còn nợ số tiền vay gốc là 8.022.478 đồng và tiền lãi như đại diện nguyên đơn trình bày và anh nhất trí yêu cầu khởi kiện, anh xin trả dần số tiền vay gốc, lãi.

Anh C có đơn xin vắng mặt khi tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, không có vi phạm, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã chấp hành tương đối đầy đủ quyền, nghĩa vụ. Người đại diện của Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, xác định việc ký kết hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, theo quy định của pháp luật. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời khai của bị đơn thừa nhận khoản nợ gốc, nợ lãi đối với nguyên đơn, nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Mạnh C phải trả cho Ngân hàng TMCP Vsố tiền vay gốc 8.022.478 đồng và tiền lãi còn nợ là 1.898.522 đồng. Tổng cộng là 9.921.000 đồng (chín triệu chín trăm hai mươi môt nghìn đồng). Bị đơn không phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ do nguyên đơn không yêu cầu. Về án phí, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Vcùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện.

[2].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Theo hợp đồng vay tín dụng ngày 28/6/2012 giữa anh C với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, thời hạn thực hiện hợp đồng được tính trả theo kỳ trong 24 tháng, ngày bắt đầu tính từ 01/8/2012 cho đến 01/7/2014 thì hai bên thực hiện xong hợp đồng. Tuy nhiên, trong thời hạn trên anh C không thanh toán được hết khoản vay nợ, gốc lãi, sau đó giữa nguyên đơn và bị đơn có cho nhau thời gian trả nợ tiếp, khi Ngân hàng khởi kiện, anh C không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C cư trú tại huyện Lạng Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã giải quyết vụ kiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp hành đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, lời khai thừa nhận của bị đơn cho thấy: Giữa Ngân hàng TMCP Vvà anh Nguyễn Mạnh C sinh ngày 12/3/1981 có số CMND số 121357270, do công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 16/12/2011 đã ký hợp đồng tín dụng số 20120628-148028-001 ngày 28/6/2012, theo đó anh C được cho vay số tiền 15.750.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5,15%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, mục đích để tiêu dùng cá nhân, hình thức trả gốc, lãi theo kỳ, 23 tháng sau khi vay mỗi tháng trả 1.159.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.337.000 đồng. Tổng cộng, gốc và lãi phải trả là 28.034.000 đồng. Kỳ thanh toán là ngày 01 mỗi tháng, bắt đầu tính từ 01/8/2012. Theo thỏa thuận, Ngân hàng đã giải ngân cho anh C đủ số tiền vay gốc. Việc ký kết các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng vay của các bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Bộ luật dân sự, Luật tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về việc thanh toán: Anh C đã trả được cho Ngân hàng TMCP V 8 kỳ (tương đương 08 tháng) với số tiền gốc đã trả là 7.727.522 đồng; số tiền lãi là 10.385.478 đồng, tổng cộng bằng 18.113.000 đồng. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nêu thì anh C chưa thanh toán các kỳ tính từ tháng 3/2013 cho đến tháng 7 năm 2014 bằng 16 kỳ, với số tiền gốc là: 8.022.478 đồng và lãi là 1.898.522 đồng. Lời khai của anh C cũng thừa nhận điều trên và chấp nhận thanh toán số gốc, lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định anh Nguyễn Mạnh C còn nợ Ngân hàng TMCP Vsố tiền gốc 8.022.478 đồng và lãi là 1.898.522 đồng, tổng cộng bằng 9.921.000 đồng (chín triệu chín trăm hai mươi môt nghìn đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tra Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc, lãi trên.

Do nguyên đơn không yêu cầu nên anh C không phải trả khoản tiền lãi phát sinh nào khác kể cả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6].Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 26, điều 35, điều 39; điều 147; 157; điều 227; điều 228; điều 238; điều 184; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V

Buộc anh Nguyễn Mạnh C phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi bằng 9.921.000 đồng (chín triệu chín trăm hai mươi môt nghìn đồng).

Về án phí: anh Nguyễn Mạnh C phải chịu 496.000 (bốn trăm chín mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 271.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/0007036 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lạng Giang;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

2. Luật sư tư vấn:

Lãi suất cho vay tiêu dùng của công ty tài chính được quy định tại Điều 9 và điểm e khoản 1 Điều 10 Thông tư số 43/2016/TT - NHNN như sau:

"***Điều 9. Lãi suất cho vay tiêu dùng***

1. ***Lãi suất cho vay tiêu dùng của công ty tài chính thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng****.*

2. Công ty tài chính ban hành quy định về khung lãi suất cho vay tiêu dùng áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống trong từng thời kỳ, trong đó bao gồm mức lãi suất cho vay cao nhất, mức lãi suất cho vay thấp nhất đối với từng sản phẩm cho vay tiêu dùng.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung khung lãi suất cho vay tiêu dùng, công ty tài chính phải gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 7 Thông tư này về khung lãi suất, trong đó nêu cụ thể các yếu tố, nguyên tắc cơ bản xác định khung lãi suất cho vay tiêu dùng, các yếu tố về chi phí vốn, chi phí rủi ro, lợi nhuận trên vốn, lãi suất thị trường và bảo đảm bù đắp được"

"***Điều 10. Hợp đồng cho vay tiêu dùng***

1. Hợp đồng cho vay tiêu dùng phải được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:

e) Lãi suất cho vay tiêu dùng theo thỏa thuận và mức lãi suất cho vay tiêu dùng quy đổi theo tỷ lệ %/năm (một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày) tính theo số dư nợ cho vay thực tế và thời gian duy trì số dư nợ cho vay thực tế đó; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay"

Thông báo số 447/TB- NHNN

"Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo một số mức lãi suất áp dụng từ ngày 01/12/2010 như sau:

1. Lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm.

2. Lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng là 9,0%/năm.

3. Lãi suất tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng là 7,0%/năm.

4. Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng là 9,0%/năm.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo để các tổ chức và cá nhân biết./."

Như vậy, mức lãi suất cho vay tiêu dùng theo thỏa thuận giữ công ty tài chính và chủ thể vay khi giao kết hợp đồng cho vay tiêu dùng. Nhưng lãi suất này vẫn phải thực hiện theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Hiện nay, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam hiện nay là 9%/năm. Đây là cơ sở để các tổ chức tín dụng, Công ty tài chính căn cứ để công bố mức lãi suất cao nhất và thấp nhất đối với hoạt động cho vay. Mức lãi suất cao nhất được phép cho vay hiện nay chưa có quy định. Nhưng không vì thế mà không thể kiểm soát được lãi suất cho vay cao nhất. Bởi khi ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung khung lãi suất cho vay tiêu dùng, công ty tài chính phải gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước sẽ căn cứ vào mức lãi suất cho vay cao nhất hiện hành theo quy định Bộ Luật Dân sự năm 2015 để thông qua. Và mức lãi suất cho vay cao nhất hiện nay theo quy định Bộ Luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm.

"***Điều 468. Lãi suất***

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì ***lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm*** *của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Việc quý khách chậm trả khi tới kỳ phải nộp tiền chỉ làm phát sinh thêm trách nhiệm phải trả các khoản lãi về chậm trả. Nếu khoản vay của quý khách chưa đến hạn phải trả theo hợp đồng thì công ty tài chính không thể yêu cầu quý khách trả hết toàn bộ số tiền gốc. Và hành vi chậm trả của quý khách cũng chưa đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm - tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hay tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo phía công ty tài chính thông báo. Vì quý khách vay tiền từ công ty tài chính bằng hợp đồng vay, khi vay, các bên hoàn toàn tự nguyện và không bị lừa dối (nhất là bên công ty tài chính không bị quý khách lừa dối về thông tin) nên hành vi của quý khách không thể cấu thánh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009).

Sự việc quý khách không thể trả được nợ khi đến hạn phát sinh từ nguyên nhân khách quan (gia đình quý khách gặp khó khăn). Nếu quý khách không có dấu hiệu bỏ trốn, việc sử dụng khoản vay của quý khách đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng, quý khách không lừa dối để chiếm đoạt số tiền còn lại phải trả cho công ty tài chính thì quý khách chưa có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (theo Điều 140 Bộ Luật Hình sự năm 1999 sửa đổi năm 2009)

Để giải quyết vấn đề của mình, quý khách liên hệ trực tiếp với chi nhánh của Công ty tài chính Home Credit để được hướng dẫn thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Trên đây là tư vấn của Luật Minh Khuê về "**Lãi suất cho vay tín chấp của các công ty tài chính theo quy định pháp luật ?**". Nếu còn vướng mắc, chưa rõ hoặc cần hỗ trợ pháp lý khác bạn vui lòng liên hệ **Luật sư tư vấn pháp luật Dân sự về mức lãi suất của hoạt động cho vay tín chấp, gọi: 1900.6162** để được giải đáp.

Rất mong nhận được sự hợp tác!

Trân trọng./.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có ghi rõ:

Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. (Bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2011).

Ngoài ra, theo khoản 3 Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì trong trường hợp các văn bản pháp luật do cùng một đơn vị cơ quan ban hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì sẽ áp dụng theo văn bản được ban hành lần sau.

Kết hợp hai điều này có nghĩa là từ năm 2011 trở đi, các công ty tài chính được phép cho vay với lãi suất không bị giới hạn ở mức 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước mà được thỏa thuận lãi suất tùy theo tình hình thị trường sao cho hợp lý. Như vậy nếu các công ty tài chính cho vay 30 - 40%/năm thì vẫn không bị coi là vi phạm pháp luật.